TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/DS-ST
Ngày 07 - 01 - 2026
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

2. Ông Hồ Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai (cơ sở 2) mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 106/2025/TLST-DS ngày 03/11/2025 "Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐXXST-DS ngày 18/12/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1950; số CCCD: 064150000250, cấp ngày 13/4/2021; trú tại: Thôn A, xã C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Võ Quốc T, sinh năm 1978; số CCCD: 042078010899, cấp ngày 02/7/2021 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; số CCCD: 064187010949, cấp ngày 09/5/2021; đều trú tại: Thôn T, xã C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong qúa trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày: Ngày 10/4/2011, bà có cho vợ chồng con gái là chị H và anh T, mượn số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Khi mượn tiền chị H và anh T có viết giấy nợ và đưa bà cất giữ, vì tin tưởng nên bà không đọc giấy nợ. Đến nay khi cần tiền bà đến đòi thì con bà không chịu trả, bà kiểm tra thì thấy giấy nợ ghi nội dung nợ 50.000.000đ. Nay bà N chỉ yêu cầu chị H và anh T trả số tiền còn nợ là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) theo giấy mượn tiền ngày 10/4/2011. Bà N không yêu cầu tiền lãi.

* Bị đơn anh Võ Quốc T và chị Nguyễn Thị H trình bày: Vợ chồng anh, chị thừa nhận có mượn mẹ chị H là bà Lê Thị N số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu

đồng), không phải 100.000.000đ như bà N trình bày. Anh T và chị H chỉ đồng ý trả cho bà N số tiền 50.000.000đ, trong thời hạn 06 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị N khởi kiện đối với anh Võ Quốc T và chị Nguyễn Thị H; đều trú tại: Thôn T, xã C, tỉnh Gia Lai, yêu cầu anh T và chị H phải trả số tiền đã vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai.

[2] Về nội dung: Theo yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N, cùng với việc cung cấp chứng cứ gốc là "Giấy vay tiền" ngày 10/4/2011, anh T và chị H cũng thừa nhận có vay bà N số tiền 50.000.000đ. Anh T và chị H chấp nhận trả cho bà N số tiền 50.000.000đ, trong thời hạn 06 tháng. Tuy nhiên, bà N không đồng ý, bà N yêu cầu trả ngay một lần số tiền 50.000.000đ. Do đó, ý kiến của anh T và chị H là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Theo giấy vay tiền các bên không có thỏa thuận thời hạn trả nợ và không ghi lãi suất cụ thể, nên đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Anh T và chị H chưa trả hết số tiền đã vay nên bà N khởi kiện là có căn cứ. Tại phiên tòa, bà N yêu cầu anh T và chị H phải trả ngay một lần số tiền gốc là 50.000.000đ và không yêu cầu trả tiền lãi của số nợ gốc. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh T và chị H phải trả cho bà N số tiền gốc còn nợ là 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)* là đúng theo quy định tại các Điều 463, 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Như vậy, anh T và chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 50.000.000đ x 5% = 2.500.000đ. Bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 235, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N.

- Buộc anh Võ Quốc T và chị Nguyễn Thị H phải trả cho bà Lê Thị N số tiền gốc còn nợ là 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng),* trả ngay một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc anh Võ Quốc T và chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là: 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*. Bà Lê Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000đ *(Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0004591 ngày 03/11/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 - Gia Lai.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (07/01/2026), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 13-Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 13-Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Đồng Ánh Đông